

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-ST
Ngày 27- 6-2019
“*V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhất
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Thụ
2. Ông Võ Ánh Sửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Y Sơ Mi Niê Kđăm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaH'leo.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện EaH'leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2018/TLST-DS, ngày 13 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXX - ST, ngày 06 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH TM&DV P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc Đ – Chức vụ: Tổng giám đốc
Địa chỉ: Số 531-533 đường G, thị trấn E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T– Chức vụ: Nhân viên (Văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 11 năm 2018).

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 6, thị trấn E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lương Thị Kiều L, sinh năm 1968; Địa chỉ cư trú: Thôn C1, xã Y, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Công ty TNHH TM&DV P. Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 21 tháng 7 năm 2015, bà Lương Thị Kiều L có ký hợp đồng mua bán xe với Công ty TNHH TM&DV P. Nội dung hợp đồng: Công ty TNHH

TM&DV P có bán cho bà L một chiếc xe mô tô hiệu EX GP 150 màu sơn xanh. Có số máy 086760, số khung 076643, với giá là 48.500.000 (Bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng). Hiện bà L còn nợ lại Công ty TNHH TM&DV P số tiền 12.500.000 đồng, mặc dù công ty P đã đòi nhiều lần, nhưng bà L cố tình không trả. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét buộc bà L phải thanh toán được cho công ty P số tiền nói trên.

** Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Lương Thị Kiều L trình bày:*

Bà L thống nhất với lời khai của nguyên đơn đã trình bày về số tiền mua xe mô tô còn nợ là 12.500.000 đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà L chưa trả được như cam kết. Bà L xin trả số tiền trên cho công ty P vào ngày 20 tháng 11 năm 2020.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Lương Thị Kiều L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai phải có mặt tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung tranh chấp:

[1]. Về tình tiết mà các bên đã thống nhất được: Bà Lương Thị Kiều L thừa nhận còn nợ Công ty TNHH TM&DV P số tiền mua xe mô tô là 12.500.000 đồng là phù hợp với khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại điều luật này quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Như vậy, việc mua bán tài sản giữa các bên và bà L còn nợ số tiền trên là có thật.

[2]. Về tình tiết các bên không thống nhất được: Mặc dù, bà L thừa nhận còn nợ công ty P số tiền trên, nhưng thời gian trả nợ vào ngày 20 tháng 11 năm 2020 thì không được công ty P chấp nhận yêu cầu này.

[3]. Như vậy, Hội đồng xét xử, nhận định: Khi hai bên xác lập quan hệ mua bán tài sản là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về điều kiện, mục đích, nội dung và hình thức hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại các Điều 122, Điều 123, Điều 124 và Điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2005,

làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Công ty TNHH TM&DV P thực hiện nghĩa vụ của bên bán tài sản là giao tài sản đảm bảo chất lượng và đảm bảo quyền sở hữu của bên mua đối với tài sản mua bán. Nay bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua tài sản, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của công ty P được quy định tại khoản 1 Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005: *“Bên mua phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm đã thỏa thuận...”*. Từ các nhận định nêu trên, cần chấp nhận yêu cầu của công ty P, buộc bà L phải trả cho công ty P số tiền 12.500.000 đồng.

[4]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc bà Lương Thị Kiều L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 428, Điều 429, Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều 434 và khoản 1 Điều 438, Điều 444 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Thương mại và Dịch vụ P. Buộc bà Lương Thị Kiều L phải trả cho Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Thương mại và Dịch vụ P số tiền 12.500.000 (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để tính lãi suất chậm trả đối với số tiền nói trên.

Về án phí: Buộc bà Lương Thị Kiều L phải chịu 625.000 (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty TNHH TM&DV P số tiền 337.000 (Ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'leo, theo biên lai số 0008927, ngày 07 tháng 12 năm 2018.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Ea H'leo;
- Thi hành án dân sự huyện Ea H'leo;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Nhất